

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;

2. Ông Phạm Văn Thành;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Võ Thanh P, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Ấp 2, xã P.V, huyện C, tỉnh L, có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Tống Thị Yên L, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Ấp 2, xã P.V, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Võ Thanh P cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Vợ chồng ông P cưới nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.V. Trước khi cưới nhau, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước. Vợ chồng ông P chung sống hạnh phúc được vài năm đầu. Theo ông P nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian chung với nhau, bà L không tôn trọng chồng, không tôn trọng gia đình chồng. Trong những lần vợ chồng cãi nhau về những vấn đề sinh hoạt trong gia đình, bà L thường có thái độ hung hăng, đập phá đồ đạc, cắt hình ảnh gia đình chụp chung. Ông P và bà L không thống nhất được với nhau về việc sinh hoạt gia đình, khi cần có sự quyết định của cả hai vợ chồng thì không ai vừa ý ai nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cha mẹ ông P chỉ có ông P là con trai nên vợ chồng ông P ở chung với cha mẹ ông P nhưng bà L không làm tròn bổn phận làm dâu, mặc dù gia đình ông P không bắt buộc bà L làm dâu, nhưng khi bà L phát sinh mâu thuẫn với cha mẹ của ông P thì bà L có những lời lẽ không hay với cha mẹ ông P, cãi nhau với cha mẹ ông P như bạn bè chứ không tôn trọng cha mẹ ông P. Thậm chí có lần bà L gây gổ với mẹ ông P, bà L

thu dọn hết quần áo, tư trang, giấy tờ nhân thân của bà L rời khỏi nhà, mỗi lần cãi nhau là bà L dọn đồ đi, mỗi lần đi vài tháng.

Mâu thuẫn gia đình ông P đã diễn ra từ rất lâu, cả bà L và ông P cũng đã từng viết đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn. Hiện tại ông P xác định không thể tiếp tục chung sống với bà L nên ông P yêu cầu ly hôn với bà L.

Về nuôi con chung: Ông P và bà L có 02 con chung tên Võ Tổng Thanh T, sinh ngày 01/12/2001 (đã trưởng thành) và Võ Vương Minh N, sinh ngày 24/12/2007. Ông P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì cháu N bị hội chứng Down, trí não chậm phát triển nên không được đi học, vì vậy không cung cấp bản khai cho Tòa án được. Nhưng từ tới nay trước cháu N sống với gia đình bên nội và ông P, trong thời gian ông P đi làm thì có nội chăm sóc phụ. Hiện nay, ông P đang làm công việc thu mua lúa gạo, ngoài ra ông P còn thêm nhiều công việc tự do khác, thu nhập trung bình của ông P là khoảng 16.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Bị đơn bà Tống Thị Yến L trình bày tại biên bản hòa giải ngày 07/7/2022 như sau:*

Về quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung, bà L thống nhất với lời trình bày của ông P. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà L trong đời sống vợ chồng sẽ có lúc cãi nhau, nhưng bà L cho rằng bà và ông P không có mâu thuẫn gì lớn. Hầu hết những lần cãi nhau giữa vợ chồng bà L là liên quan đến gia đình bên ông P. Vợ chồng ông P sống chung với cha mẹ chồng và em chồng. Trong thời gian chung sống với gia đình ông P, bà L biết được em chồng có những lời lẽ không hay đối với bà L. Khi bà L và gia đình bên chồng có những bất hòa, bà L nói với ông P thì ông P không đứng về phía bà L mà đứng về phía gia đình bên ông P, từ đó làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng bà L. Theo bà L, ông P rất thương con, thu nhập của ông P làm ra để lo cho con, còn thu nhập của bà L thì bà L để riêng. Bà L còn thương ông P nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà L không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 35, 39, 68, 97, 98, 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thanh P được ly hôn với bà Tống Thị Yến L.

Về nuôi con chung: Giao ông P nuôi dưỡng cháu Võ Vương Minh N, sinh ngày 24/12/2007. Ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Võ Thanh P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Tống Thị Yến L có nơi cư trú tại Ấp 2, xã P.V, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn bà Tống Thị Yến L đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà L.

[2] Về hôn nhân: Ông Võ Thanh P và bà Tống Thị Yến L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41, ngày 13/12/2000 nên xác định hôn nhân của vợ chồng ông P, bà L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông P nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian chung với nhau, bà L không tôn trọng chồng, không tôn trọng gia đình chồng. Trong những lần vợ chồng cãi nhau về những vấn đề sinh hoạt trong gia đình, bà L thường có thái độ hung hăng, đập phá đồ đạc, cắt bỏ hình ảnh gia đình chụp chung. Khi bà L và mẹ ông P cãi nhau thì bà L thu dọn hết quần áo, tư trang, giấy tờ nhân thân của bà L rời khỏi nhà, mỗi lần đi vài tháng. Về phía bà L trình bày bà L còn thương ông P nên không đồng ý ly hôn nhưng bà L chưa đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, bên phía ông P vẫn cương quyết ly hôn đồng thời tại phiên họp hòa giải ngày 22/7/2022, bà L không có mặt. Tại phiên tòa, ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông P và bà L không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà L.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Tống Thanh T, sinh ngày 01/12/2001 (đã trưởng thành) và Võ Vương Minh N, sinh ngày 24/12/2007. Ông P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và bà L cũng không có ý kiến gì về vấn đề con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu N mắc hội chứng Down, từ trước tới nay cháu N sống chung với ông P nên giao cho ông P nuôi dưỡng cháu N là phù hợp. Ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà L đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thanh P về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà Tống Thị Yến L.

Về hôn nhân: Ông Võ Thanh P được ly hôn với bà Tống Thị Yến L.

Về nuôi con chung: Giao cho ông Võ Thanh P nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên tên Võ Vương Minh N, sinh ngày 24/12/2007. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Ông Võ Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu số 0006327 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Võ Thu Xuân**

























